

Bản án số: 70/2019/HNGĐ - ST  
Ngày: 21-9-2020  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng
2. Bà Lê Thị Thận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 292/2020/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2020/QĐXX - ST ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị Diễm P, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

*(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nông Thị Diễm P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Diễm P và anh Hoàng Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 29/11/2020. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt nên chị P và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị P và anh T có 01 người con chung là cháu Hoàng Nhã U, sinh ngày 24/3/2019, nay ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu U và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng 01 tháng 1.000.000 đồng nuôi cháu U.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị P cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản gốc Giấy đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã A; bản sao chứng minh nhân dân, bản sao hộ khẩu, 01 bản sao giấy khai sinh; 01 đơn đề nghị xác nhận ngày 16/9/2020. Ngoài ra, chị P không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

*Bị đơn anh Hoàng Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.*

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Thị Diễm P vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn T và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu U.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nông Thị Diễm P. Về con chung tiếp tục giao cháu Hoàng Nhã U cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu U trưởng thành. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu U, tại phiên tòa chị P đã rút nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của chị Nông Thị Diễm P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn T. Hiện nay bị đơn đang cư trú tại xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của anh Hoàng Văn T. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 29/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã A đã được chị P cung cấp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của chị P thì quá trình chị P và anh T chung sống với nhau thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, vì vậy chị P và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Xét thấy việc mâu thuẫn vợ chồng như Phụng trình bày là phù hợp với nội dung xác nhận của chính quyền địa phương tại đơn đề nghị xác nhận ngày 16/9/2020 của chị P về việc anh T và chị P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể sống chung. Như vậy, mâu thuẫn gia đình giữa chị P và anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của chị P.

[4] Về con chung: Chị P và anh T có 01 người con chung là cháu Hoàng Nhã U, sinh ngày 24/3/2019. Xét thấy, khi chị P và anh T sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay thì cháu U do chị P trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa cháu U hiện còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cháu U cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng: Tại phiên tòa Nguyên đơn chị P không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Diễm P về việc ly hôn. Chị P được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Nhã U, sinh ngày 24/3/2019 cho chị Nông Thị Diễm P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010484 ngày 26/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định. \

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Đào**